

Hà Nội, ngày 29 tháng 12 năm 2021

TỔNG QUAN THỊ TRƯỜNG GIÁ CẢ THÁNG 12, QUÝ IV VÀ NĂM 2021

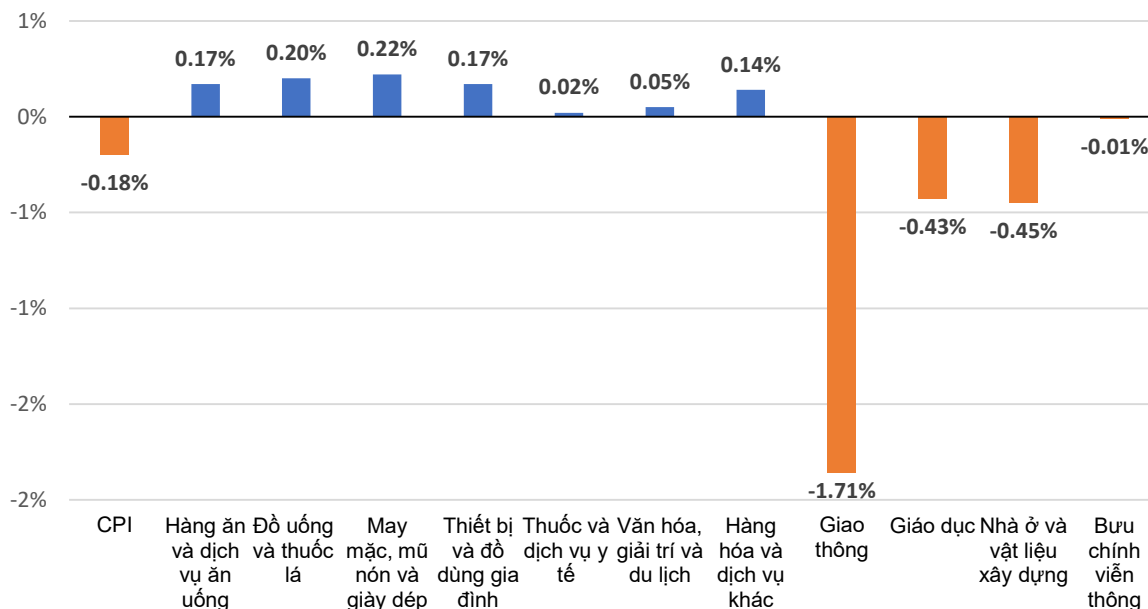
Giá xăng dầu, giá gas tháng 12/2021 giảm theo giá nhiên liệu thế giới; dịch bệnh Covid-19 diễn biến phức tạp trên phạm vi cả nước; học phí học kỳ I năm học 2021-2022 tiếp tục được miễn, giảm tại một số địa phương là các nguyên nhân chính làm chỉ số giá tiêu dùng (CPI) tháng 12/2021 giảm 0,18% so với tháng trước, tăng 1,81% so với tháng 12/2020.

Tính chung cả năm 2021, CPI tăng 1,84% so với năm trước, mức tăng thấp nhất kể từ năm 2016¹. Lạm phát cơ bản 12 tháng tăng 0,81%.

I. CHỈ SỐ GIÁ TIÊU DÙNG THÁNG 12/2021

So với tháng trước, CPI tháng 12/2021 giảm 0,18% (khu vực thành thị giảm 0,2%; khu vực nông thôn giảm 0,16%). Trong 11 nhóm hàng hóa và dịch vụ tiêu dùng chính, có 4 nhóm hàng giảm giá so với tháng trước và 7 nhóm hàng tăng giá.

Tốc độ tăng/giảm CPI tháng 12/2021 so với tháng trước



Diễn biến giá tiêu dùng tháng 12/2021 so với tháng trước của một số nhóm hàng chính như sau:

¹ Tốc độ tăng CPI bình quân các năm 2016-2021 so với năm trước lần lượt là: tăng 2,66%; tăng 3,53%; tăng 3,54%; tăng 2,79%; tăng 3,23%; tăng 1,84%.

1. Hàng ăn và dịch vụ ăn uống (+0,17%)

1.1. Lương thực (+0,36%)

Chỉ số giá nhóm lương thực tháng 12/2021 tăng 0,36% so với tháng trước, trong đó chỉ số giá nhóm gạo tăng 0,39% (khu vực thành thị tăng 0,29%; khu vực nông thôn tăng 0,46%). Giá gạo tăng do giá xuất khẩu ổn định ở mức cao, dịch Covid-19 diễn biến phức tạp, cùng với nhu cầu tiêu dùng tăng vào dịp cuối năm.

Trong tháng, giá gạo tẻ thường dao động từ 11.400-12.000 đồng/kg; giá gạo Bắc Hương từ 17.300-19.000 đồng/kg; giá gạo tẻ ngon Nàng Thom chợ Đào từ 17.700-19.500 đồng/kg; giá gạo nếp từ 24.300-34.500 đồng/kg.

Bên cạnh đó, chỉ số giá nhóm bột mỳ và lương thực chế biến cũng tăng lần lượt là 0,53% và 0,24% so với tháng trước.

1.2. Thực phẩm (+0,15%)

Giá thực phẩm tháng 12/2021 tăng 0,15% so với tháng trước do một số mặt hàng sau:

- Giá thịt gia cầm tươi sống tăng 0,27% so với tháng trước, trong đó giá thịt gà tăng 0,29%; thịt gia cầm khác tăng 0,24%;

- Giá thịt hộp và thịt chế biến khác lần lượt tăng 0,6% và 0,11% do ảnh hưởng dịch Covid-19 kéo dài, các cơ sở chế biến thực phẩm bị thiếu hụt nhân công lao động và nguyên liệu sản xuất nên tăng giá bán.

- Dầu mỡ ăn và chất béo khác tăng 1,48%, trong đó dầu thực vật và mỡ động vật tăng lần lượt 1,55% và 1,21% so với tháng trước.

- Giá thủy sản tươi sống tăng 0,45% và thủy sản chế biến tăng 0,28% so với tháng trước do hoạt động đánh bắt thủy hải sản gặp khó khăn trong mùa mưa bão dẫn đến nguồn cung hạn chế.

- Giá rau tươi, khô và chế biến tăng 0,48% so với tháng trước, trong đó giá bắp cải tăng 0,85%; cà chua tăng 22,72%; rau muống tăng 0,61%; đỗ quả tươi tăng 5,74%. Giá rau tăng do thời tiết chuyển rét khiến nhiều loại rau phát triển chậm, sản lượng rau giảm và chi phí vận chuyển tăng.

- Giá quả tươi và chế biến tháng 12/2021 tiếp tục tăng 0,24% so với tháng trước, chủ yếu do chi phí vận chuyển tăng và các thương lái tăng cường thu mua để xuất khẩu dịp cuối năm 2021.

- Giá đồ gia vị tăng 0,23% so với tháng trước; bơ, sữa phô mai tăng 0,18%; bánh, mứt, kẹo tăng 0,27%; chè, cà phê, cacao tăng 0,19%.

Bên cạnh các mặt hàng tăng giá, nhóm các mặt hàng giảm giá như sau:

- Giá thịt lợn tháng 12/2021 tiếp tục giảm 0,64% so với tháng trước, làm CPI chung giảm 0,02 điểm phần trăm. Trong tháng, giá thịt lợn hơi dao động khoảng 41.000-52.000 đồng/kg. Giá thịt lợn giảm do nguồn cung đảm bảo trong khi nhu cầu tiêu thụ bị ảnh hưởng bởi dịch Covid-19 khiến lượng khách đến nhà hàng, quán ăn giảm, các bếp ăn tập thể đóng cửa, du lịch đình trệ... Theo đó, giá thịt quay, giò, chả tháng Mười Hai giảm 0,04% so với tháng trước.

- Giá trứng các loại giảm 0,28% so với tháng trước do nguồn cung dồi dào.

1.3. Ăn uống ngoài gia đình (+0,16%)

Chỉ số giá nhóm ăn uống ngoài gia đình tháng 12/2021 tăng 0,16% so với tháng trước, trong đó giá ăn ngoài gia đình tăng 0,17%; uống ngoài gia đình tăng 0,13%; đồ ăn nhanh mang đi tăng 0,1% do giá gas, giá xăng dầu, giá thực phẩm tươi sống, giá sữa, dầu ăn tăng khiến các cửa hàng kinh doanh dịch vụ ăn uống ngoài gia đình tăng giá bán.

2. Đồ uống và thuốc lá (+0,2%)

Chỉ số giá nhóm đồ uống và thuốc lá tháng 12/2021 tăng 0,2% so với tháng trước, trong đó giá thuốc lá tăng 0,03%; giá rượu các loại tăng 0,39%; giá bia tăng 0,26% do nhu cầu tiêu dùng của người dân tăng vào thời điểm cuối năm và giá đô la Mỹ tăng.

3. May mặc, mũ nón, giày dép (+0,22%)

Chỉ số giá nhóm may mặc, mũ nón, giày dép tháng 12/2021 tăng 0,22% so với tháng trước do trong tháng có nhiều cửa hàng, siêu thị đã kết thúc các chương trình khuyến mãi giảm giá, cùng với đó nhu cầu mua sắm quần áo mùa Giáng sinh, Tết Dương lịch nên các cửa hàng tăng giá bán. Trong đó, quần áo may sẵn tăng 0,27% so với tháng trước; may mặc khác tăng 0,19%; mũ nón tăng 0,04%; giày dép tăng 0,12%.

4. Nhà ở và vật liệu xây dựng (-0,45%)

Chỉ số giá nhóm nhà ở và vật liệu xây dựng tháng 12/2021 giảm 0,45% so với tháng trước. Diễn biến giá một số mặt hàng trong nhóm như sau:

- Giá gas giảm 4,94% so với tháng trước do từ ngày 01/12/2021, giá gas trong nước điều chỉnh giảm 24.000 đồng/bình 12 kg sau khi giá gas thế giới giảm 77,5 USD/tấn (từ mức 850 USD/tấn xuống mức 772,5 USD/tấn).

- Giá dầu hỏa giảm 5,2% so với tháng 11/2021 do ảnh hưởng của đợt điều chỉnh giá vào ngày 25/11/2021, 10/12/2021 và ngày 25/12/2021.

- Giá nước sinh hoạt và giá điện sinh hoạt giảm lần lượt là 0,73% và 0,76% so với tháng trước² do một số địa phương hỗ trợ tiền sử dụng nước và nhu cầu tiêu dùng giảm khi thời tiết mát mẻ.

- Giá vật liệu bảo dưỡng nhà ở tăng 0,57% so với tháng trước, làm CPI chung tăng 0,01 điểm phần trăm, do giá sắt thép, xi măng tăng và nhu cầu sửa chữa, bảo dưỡng nhà ở tăng vào dịp cuối năm.

- Giá dịch vụ sửa chữa nhà ở tăng 0,46% so với tháng trước do nhu cầu tăng.

5. Thiết bị và đồ dùng gia đình (+0,17%)

Chỉ số giá nhóm thiết bị và đồ dùng gia đình tháng 12/2021 tăng 0,17% so với tháng trước. Trong đó, ấm, phích nước điện tăng 0,62%; trang thiết bị nhà bếp tăng 0,56%; nồi cơm điện tăng 0,45%; giá máy giặt tăng 0,42%; giá tủ lạnh tăng

² Chỉ số giá điện sinh hoạt tháng 12/2021 được tính dựa trên doanh thu và sản lượng điện tiêu dùng từ ngày 01-30/11/2021, do đó phản ánh biến động trễ một tháng so với các mặt hàng khác.

0,32%; giường, tủ, bàn, ghế tăng 0,21%; giá xà phòng và chất tẩy rửa tăng 0,18%; đồ dùng bằng kim loại tăng 0,16%; giá máy vi tính và phụ kiện tăng 0,09%; vật phẩm tiêu dùng khác tăng 0,22%.

6. Giao thông (-1,71%)

Chỉ số giá nhóm giao thông tháng 12/2021 giảm 1,71% so với tháng trước, làm CPI chung giảm 0,17 điểm phần trăm, chủ yếu do giá xăng dầu trong nước giảm theo giá nhiên liệu thế giới. Cụ thể, giá xăng giảm 4,67%; dầu diezen giảm 5,05% do ảnh hưởng của đợt điều chỉnh giảm giá vào ngày 25/11/2021; 10/12/2021 và điều chỉnh tăng vào ngày 25/12/2021, trong đó giá xăng A95 giảm 1.700 đồng/lít, giá xăng E5 giảm 1.110 đồng/lít, giá dầu diezen giảm 1.140 đồng/lít.

Bên cạnh đó, chỉ số giá nhóm phụ tùng tháng Mười Hai tăng 0,17% so với tháng trước; dịch vụ khác đối với phương tiện vận tải cá nhân tăng 0,12%; dịch vụ giao thông công cộng tăng 0,53%.

7. Giáo dục (-0,43%)

Chỉ số giá nhóm giáo dục tháng 12/2021 giảm 0,43% so với tháng trước, tác động làm CPI chung giảm 0,03 điểm phần trăm, trong đó dịch vụ giáo dục giảm 0,5% do một số địa phương thực hiện miễn, giảm học phí năm học 2021-2022³.

Ở chiều ngược lại, do nhu cầu mua sắm sách vở và các dụng cụ học tập và chi phí vận chuyển tăng nên giá sản phẩm từ giấy tăng 0,12% so với tháng trước; giá sách giáo khoa tăng 0,05%; giá bút viết các loại tăng 0,2%; văn phòng phẩm và đồ dùng học tập khác tăng 0,11%.

8. Hàng hóa và dịch vụ khác (+0,14%)

Chỉ số giá nhóm hàng hóa và dịch vụ khác tháng 12/2021 tăng 0,14% so với tháng trước, tập trung ở giá nhóm đồ trang sức tăng 0,6% theo giá vàng trong nước; dịch vụ cắt tóc gội đầu tăng 0,37%. Vào mùa cưới nên giá các vật dụng, dịch vụ về cưới hỏi tăng 0,23%; nhu cầu đồ thờ cúng vào dịp cuối năm tăng nên giá các mặt hàng này tăng 0,17% so với tháng trước.

9. Chỉ số giá vàng (+0,25%)

Giá vàng trong nước biến động trái chiều với giá vàng thế giới. Tính đến ngày 25/12/2021, bình quân giá vàng thế giới ở mức 1.787,64 USD/ounce, giảm 1,8% so với tháng 11/2021 do đồng đô la và lợi suất trái phiếu Mỹ tăng theo kỳ vọng lãi suất Mỹ năm sau tăng lên.

Trong nước, chỉ số giá vàng tháng 12/2021 tăng 0,25% so với tháng trước; tăng 1% so với tháng 12/2020; bình quân năm 2021 tăng 8,67% so với năm trước.

³ Tốc độ giảm chỉ số giá nhóm dịch vụ giáo dục tháng 12/2021 so với tháng trước của một số địa phương: Phú Yên giảm 17,31%; Bình Định giảm 9,27%; Quảng Ngãi giảm 7,06%; Kiên Giang giảm 5,59%; Hà Nội giảm 0,48%.

10. Chỉ số giá đô la Mỹ (+0,84%)

Đồng đô la Mỹ trên thị trường thế giới tăng trong bối cảnh lạm phát Mỹ tăng cao. Tính đến ngày 25/12/2021, chỉ số đô la Mỹ trên thị trường quốc tế đạt mức 96,25 điểm, tăng 0,95 điểm so với tháng trước. Đồng đô la Mỹ tăng do các nhà đầu tư có động thái rút khỏi những loại tiền tệ rủi ro hơn sau khi các ngân hàng trung ương đưa ra quyết định về việc tăng lãi suất cũng như lo ngại khả năng lây lan của biến chủng Omicron.

Trong nước, giá đô la Mỹ tăng 0,84% so với tháng trước do nhu cầu mua ngoại tệ của các doanh nghiệp nhập khẩu tăng. Giá đô la Mỹ bình quân trên thị trường tự do quanh mức 22.971 VND/USD. Chỉ số giá đô la Mỹ tháng 12/2021 tăng 0,84% so với tháng trước; giảm 0,58% so với tháng 12/2020; bình quân năm 2021 giảm 0,97% so với năm trước.

Tốc độ tăng CPI tháng Mười Hai từ năm 2017 đến năm 2021

	Đơn vị tính: %				
	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020	Năm 2021
CPI tháng 12 so với tháng trước	0,21	-0,25	1,40	0,10	- 0,18
CPI tháng 12 so với cùng kỳ năm trước	2,60	2,98	5,23	0,19	1,81
CPI bình quân năm so với năm trước	3,53	3,54	2,79	3,23	1,84

So với cùng kỳ năm trước, CPI tháng 12/2021 tăng 1,81%. Trong 11 nhóm hàng tiêu dùng chính có 8 nhóm tăng giá và 3 nhóm giảm giá.

- Nhóm giao thông tăng cao nhất với 15,81% so với cùng kỳ năm trước, trong đó giá xăng dầu tăng 48,33%. Tính đến ngày 25/12/2021 giá xăng dầu trong nước được điều chỉnh 22 đợt, trong đó giá xăng A95 tăng 6.820 đồng/lít; giá xăng E5 tăng 7.040 đồng/lít và giá dầu diezen tăng 5.200 đồng/lít.

- Nhóm đồ uống và thuốc lá tăng 2,5% chủ yếu do chi phí vận chuyển tăng và nguồn cung thuốc lá giảm.

- Nhóm nhà ở và vật liệu xây dựng tăng 1,04% so với cùng kỳ năm trước do giá vật liệu bảo dưỡng nhà ở tăng 9,64% theo giá nguyên vật liệu đầu vào.

Bên cạnh đó, nhóm hàng ăn và dịch vụ ăn uống tháng 12/2021 tăng 0,51% so với cùng kỳ năm trước do giá lương thực tăng 3,86% và nhóm ăn uống ngoài gia đình tăng 2,38%; nhóm may mặc, mũ nón, giày dép tăng 1,07%; nhóm thiết bị và đồ dùng gia đình tăng 1,12%; nhóm thuốc và dịch vụ y tế tăng 0,24%; nhóm hàng hóa và dịch vụ khác tăng 1,42%.

Ở chiều ngược lại, có 3 nhóm hàng giảm giá:

- Nhóm giáo dục giảm 3,49% do trong học kỳ I năm học 2021-2022, một số tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương miễn, giảm học phí.
- Nhóm bưu chính, viễn thông giảm 0,72% do giá phụ kiện điện thoại thông minh giảm.
- Nhóm văn hóa, giải trí, du lịch giảm 0,2% do giá du lịch trọn gói và giá khách sạn, nhà khách giảm khi chịu tác động tiêu cực của dịch Covid-19.

II. CHỈ SỐ GIÁ TIÊU DÙNG QUÝ IV NĂM 2021

Chỉ số giá tiêu dùng bình quân quý IV/2021 giảm 0,38% so với quý trước, tăng 1,89% so với cùng kỳ năm 2020.

1. Một số nguyên nhân làm tăng CPI trong quý IV năm 2021

- Giá xăng dầu trong nước bình quân quý IV/2021 tăng 54,93% so với cùng kỳ năm trước, tác động làm CPI chung tăng 1,98 điểm phần trăm; giá dầu hỏa tăng 69,76% so với cùng kỳ năm 2020.
- Giá gas trong nước biến động theo giá gas thế giới, giá gas quý IV/2021 tăng 39,37% so với quý IV/2020, làm CPI chung tăng 0,57 điểm phần trăm.
- Giá vật liệu bảo dưỡng nhà ở quý IV tăng 9,27% so với cùng kỳ năm trước do giá xi măng, sắt, thép, cát tăng theo giá nguyên nhiên vật liệu đầu vào, góp phần làm CPI chung tăng 0,19 điểm phần trăm.
- Giá nhóm lương thực quý IV tăng 4,04% so với cùng kỳ năm trước, trong đó giá gạo tăng 3,78% làm CPI chung tăng 0,1 điểm phần trăm.
- Giá đồ uống thuốc lá quý IV/2021 tăng 2,36% so với quý IV/2020 do chi phí vận chuyển tăng và nguồn cung thuốc lá giảm.

2. Một số nguyên nhân làm giảm CPI trong quý IV năm 2021

- Giá các mặt hàng thực phẩm quý IV/2021 giảm 1,3% so với cùng kỳ năm trước, làm CPI giảm 0,28 điểm phần trăm, trong đó giá thịt lợn và mỡ ăn lần lượt giảm 19,71% và 23,81%.
- Do ảnh hưởng của dịch Covid-19, nhu cầu đi lại, du lịch của người dân giảm so với cùng kỳ năm trước làm cho giá vé máy bay quý IV/2021 giảm 21,86% so với quý IV/2020; giá du lịch trọn gói giảm 1,22%.
- Giá dịch vụ giáo dục quý IV giảm 3,61% so với cùng kỳ năm trước do một số tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương miễn giảm học phí học kỳ I năm học 2021-2022.

III. CHỈ SỐ GIÁ TIÊU DÙNG NĂM 2021

Chỉ số giá tiêu dùng bình quân năm 2021 tăng 1,84% so với năm 2020, mức tăng bình quân năm thấp nhất kể từ năm 2016.

1. Một số nguyên nhân làm tăng CPI trong năm 2021

- Trong năm 2021, giá xăng dầu trong nước được điều chỉnh 22 đợt, trong đó giá xăng A95 tăng 6.820 đồng/lít; giá xăng E5 tăng 7.040 đồng/lít và giá dầu diezen tăng 5.200 đồng/lít. So với năm trước, giá xăng dầu trong nước bình quân năm tăng 31,74%, làm CPI chung tăng 1,14 điểm phần trăm.

- Giá gas trong nước biến động theo giá gas thế giới. Trong năm 2021, giá bán lẻ gas trong nước được điều chỉnh tăng 9 đợt và giảm 3 đợt, bình quân năm 2021 gas tăng 25,89% so với năm trước, làm CPI chung tăng 0,38 điểm phần trăm.

- Giá gạo trong nước tăng theo giá gạo xuất khẩu, nhu cầu tiêu dùng gạo nếp và gạo tẻ ngon tăng trong dịp Lễ, Tết và nhu cầu tích lũy của người dân trong thời gian giãn cách xã hội làm cho giá gạo năm 2021 tăng 5,79% so với năm 2020 (làm CPI chung tăng 0,15 điểm phần trăm).

- Giá vật liệu bảo dưỡng nhà ở năm 2021 tăng 7,03% so với năm trước do giá xi măng, sắt, thép, cát tăng theo giá nguyên nhiên vật liệu đầu vào, làm CPI chung tăng 0,14 điểm phần trăm.

- Giá dịch vụ giáo dục năm 2021 tăng 1,87% so với năm 2020 (làm CPI chung tăng 0,1 điểm phần trăm) do ảnh hưởng từ đợt tăng học phí năm học mới 2020-2021 theo lộ trình của Nghị định số 86/2015/NĐ-CP ngày 02/10/2015 của Chính phủ.

2. Một số nguyên nhân làm giảm CPI trong năm 2021

- Giá các mặt hàng thực phẩm năm 2021 giảm 0,54% so với năm 2020, làm CPI giảm 0,12 điểm phần trăm, trong đó giá thịt lợn giảm 10,52%; giá thịt gà giảm 0,28%.

- Chính phủ triển khai các gói hỗ trợ cho người dân và người sản xuất gặp khó khăn do dịch Covid-19 như gói hỗ trợ của Tập đoàn Điện lực Việt Nam đã giảm giá điện, tiền điện cho khách hàng trong quý IV năm 2020 nhưng được thực hiện vào tháng 1/2021 và giảm giá điện, tiền điện cho người dân tại các địa phương thực hiện giãn cách xã hội theo Chỉ thị số 16/CT-TTg tại kỳ hóa đơn tháng 8, tháng 9/2021. Do đó, giá điện sinh hoạt bình quân năm 2021 giảm 0,89% so với năm 2020, tác động làm CPI chung giảm 0,03 điểm phần trăm.

- Ảnh hưởng của dịch Covid-19 khiến người dân hạn chế đi lại, theo đó giá vé máy bay năm 2021 giảm 21,15% so với năm trước; giá du lịch trọn gói giảm 2,32%.

- Trước diễn biến phức tạp của dịch Covid-19, dưới sự chỉ đạo sát sao của Chính phủ, các ngành các cấp đã tích cực triển khai thực hiện các giải pháp đồng bộ để ngăn chặn dịch bệnh và ổn định giá cả thị trường.

IV. LẠM PHÁT CƠ BẢN

Lạm phát cơ bản⁴ tháng 12/2021 tăng 0,16% so với tháng trước, tăng 0,67% so với cùng kỳ năm trước.

Bình quân năm 2021, lạm phát cơ bản tăng 0,81% so với năm 2020, thấp hơn mức CPI bình quân chung (tăng 1,84%), điều này phản ánh biến động giá tiêu dùng chủ yếu do giá lương thực, xăng, dầu và gas tăng. Mức lạm phát cơ bản năm 2021 so với năm trước là mức thấp nhất kể từ năm 2011.

Lạm phát cơ bản tháng 12 và bình quân năm từ năm 2017 đến năm 2021

	<i>Đơn vị tính: %</i>				
	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020	Năm 2021
Lạm phát cơ bản tháng 12 so với tháng trước	0,11	0,09	0,68	0,07	0,16
Lạm phát cơ bản bình quân năm so với năm trước	1,41	1,48	2,01	2,31	0,81

TỔNG CỤC THỐNG KÊ

⁴ CPI sau khi loại trừ lương thực, thực phẩm tươi sống, năng lượng và mặt hàng do Nhà nước quản lý bao gồm dịch vụ y tế và giáo dục.